

**CÔNG TY TNHH VẠN LỘC PHÚC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẠN LỘC PHÚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703072691

**3. Ngày thành lập:** 19/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 13 Nguyễn Đình Chiểu, tổ 46, khu phố 7, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0915720881

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                         | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Hoàn thiện công trình xây dựng; ép cọc bê tông; cắt, khoan, nhồi bê tông                                                                                                                                          | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                           | 4390        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh, văn phòng phẩm, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                                                                         | 4649        |
| 6.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ bôi trơn                                                                                                                                               | 4661        |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép các loại; bán buôn vàng, bạc, đá quý các loại (trừ vàng miếng)                                                                                                                            | 4662        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, đất, đá, cát, sỏi, ngói, kính xây dựng, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh và các vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa) | 4663        |
| 9.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                     | 9511        |
| 10. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                                         | 6810(Chính) |
| 11. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                                                       | 6820        |

|     |                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ tư vấn pháp lý)                                                     | 7020 |
| 13. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                  | 7110 |
| 14. | Cho thuê xe có động cơ                                                                               | 7710 |
| 15. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>Chi tiết: Khai thác khoáng sản và tận thu khoáng sản              | 0810 |
| 16. | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón<br>Chi tiết: Khai thác khoáng sản và tận thu khoáng sản | 0891 |
| 17. | Khai thác và thu gom than bùn<br>Chi tiết: Khai thác khoáng sản và tận thu khoáng sản                | 0892 |
| 18. | Khai thác muối<br>Chi tiết: Khai thác khoáng sản và tận thu khoáng sản                               | 0893 |
| 19. | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Khai thác khoáng sản và tận thu khoáng sản      | 0899 |
| 20. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao<br>Chi tiết: Sản xuất bê tông      | 2395 |
| 21. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu<br>Chi tiết: Sản xuất vàng, bạc, đá quý                        | 2420 |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                       | 4933 |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Giao nhận hàng hóa                  | 5229 |
| 24. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                       | 7730 |
| 25. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                           | 3312 |
| 26. | Xây dựng nhà để ở<br>Chi tiết: Xây dựng nhà không để ở, xây dựng công trình nhà xưởng các loại       | 4101 |
| 27. | Xây dựng nhà không để ở                                                                              | 4102 |
| 28. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                        | 4211 |
| 29. | Xây dựng công trình đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng cầu, đường bộ; xây dựng công trình đường bộ       | 4212 |
| 30. | Xây dựng công trình điện                                                                             | 4221 |
| 31. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                  | 4222 |
| 32. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                   | 4223 |
| 33. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                    | 4229 |
| 34. | Xây dựng công trình thủy                                                                             | 4291 |
| 35. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                      | 4292 |
| 36. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                | 4293 |
| 37. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                           | 4299 |
| 38. | Phá dỡ                                                                                               | 4311 |

|     |                                                 |      |
|-----|-------------------------------------------------|------|
| 39. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng | 4312 |
| 40. | Lắp đặt hệ thống điện                           | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HUỲNH MAI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/03/1959

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 074159008480

Ngày cấp: 16/09/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 13 Nguyễn Đình Chiểu, tổ 46, khu phố 7, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 13 Nguyễn Đình Chiểu, tổ 46, khu phố 7, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương